

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN AN BIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2018/HS-ST  
Ngày 26 - 6 - 2018

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Bình Đảo

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Trần Thị Mộng Lành

2. Ông Hà Minh Hằng

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện Kiểm Sát nhân dân huyện An Biên tham gia phiên tòa:** Ông Trần Minh Hải Đăng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 13/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 6 năm 2018 và thông báo dời ngày mở phiên tòa số 05/TB-TA ngày 20/6/2018 đối với bị cáo:

Họ và tên: Mai Văn T, sinh ngày 01/01/1992 tại huyện A, tỉnh Kiên Giang. Nơi cư trú: Ấp Đ, xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ học vấn: 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Mai Văn L và bà Huỳnh Thị V; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Chưa bị kết án, chưa bị xử phạt hành chính, chưa bị xử lý kỷ luật; bị cáo bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/02/2018 cho đến nay (Có mặt).

**- Người bào chữa cho bị cáo:**

Bà Cao Thị Tố Q là Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Kiên Giang bào chữa cho bị cáo Mai Văn T (Có mặt).

**- Bị hại:**

Chị Trần Thúy N, sinh năm: 1997. (Có đơn xin vắng mặt)

Anh Võ Minh D, sinh năm 1991 (Có mặt)

Cùng nơi cư trú: Ấp Đ, xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ ngày 20/02/2018, Tài Triệu Thu N, sinh năm 1993, trú tại ấp C, xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang nhờ Mai Văn T (là bạn trai của N) đi đến nhà Trần Thúy N, sinh năm 1997, trú tại ấp Đ, xã N T để đóng tiền lãi cho N (do N vay mượn trước đó) thì T đồng ý. T điều khiển xe mô tô đi đến nhà của N, lúc này Võ Minh D (chồng của N) đang tổ chức uống rượu bia và hát Karaoke với một số người bạn ở phía sau nhà nên T kêu nhưng không thấy ai đi ra cửa. Thấy vậy, T đi vào nhà đến gần chỗ hát Karaoke thì phát hiện cửa phòng ngủ chưa đóng kín nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào phòng phát hiện túi xách màu đỏ, bên trong có 160.000 đồng. T lấy tiền bỏ vào túi quần sau rồi tiếp tục mở ngăn tủ nhựa trên cùng thấy 01 cái túi xách màu xanh, bên trong có 01 cọc tiền (T không đếm bên trong có bao nhiêu tiền), T lấy cọc tiền bỏ vào túi rồi đi ra cửa trước. Khi đi đến gần phòng khách thì N từ nhà sau đi ra thấy T nên hỏi thì T trả lời đóng tiền lãi cho N. Đóng xong, T điều khiển xe về nhà N. Do thấy T có biểu hiện khác thường nên N nghi ngờ, kiểm tra và phát hiện bị mất 14.100.000 đồng. Lúc này, D dùng điện thoại di động liên lạc với N để hỏi T có lấy tiền hay không thì T thừa nhận hành vi và đưa lại số tiền cho N để trả lại cho vợ chồng anh D số tiền 14.100.000 đồng. Sau đó, D trình báo chính quyền địa phương. Tại cơ quan điều tra Mai Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp của mình.

Tại bản cáo trạng số: 14/CTr-VKS ngày 09/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Mai Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên giữ nguyên Quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng pháp luật và xử phạt bị cáo như sau:

Tuyên bố bị cáo Mai Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Mai Văn T từ 06 tháng đến 09 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tài sản, không yêu cầu gì thêm nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xét.

Người bào chữa cho bị cáo Mai Văn T thống nhất với quan điểm mà đại diện

Viện kiểm sát về áp dụng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo, nhưng đề nghị áp dụng thêm tình tiết phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ.

Ý kiến bị hại: Về trách nhiệm hình sự đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; về trách nhiệm dân sự, bị hại đã nhận lại toàn bộ tài sản bị mất trộm, không yêu cầu gì thêm.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo biết hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật và đã hối hận nên xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy:

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai trong quá trình điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; tại phiên tòa đã làm rõ:

Khoảng 16 giờ ngày 20/02/2018, Mai Văn T đi đến nhà Trần Thúy N, sinh năm 1997, trú tại ấp Đ, xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang để đóng tiền lãi cho Tài Triệu Thu N (do N vay mượn N trước đó). Tại đây, T kêu nhưng không ai trả lời nên T đi vào trong nhà thì phát hiện cửa phòng ngủ chưa đóng kín nên T nảy sinh ý định trộm cắp tài sản. T đi vào phòng phát hiện túi xách màu đỏ, bên trong có 160.000 đồng. T lấy tiền bỏ vào túi quần sau rồi tiếp tục mở ngăn tủ nhựa trên cùng thấy 01 cái túi xách màu xanh, bên trong có 01 cọc tiền, T lấy cọc tiền bỏ vào túi rồi đi ra cửa trước gặp N đóng tiền lãi rồi điều khiển xe về nhà của N. Số tiền Mai Văn T lấy trộm được là 14.100.000 đồng.

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội: Xét về tính chất mức độ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã làm mất an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của bị hại được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Cho nên cần xử phạt bị cáo một mức án thật nghiêm, tương xứng với hành vi bị cáo gây ra nhằm giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt, đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung trong xã hội.

[4] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[5] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo có thái độ khai báo, tỏ ra biết ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm; bị cáo tự nguyện trả lại tiền cho bị hại; gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do đó, cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, để xử phạt bị cáo Mai Văn T mức án tương xứng với mức độ, hành vi bị cáo đã gây ra nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Đối với hình phạt bổ sung: Hiện tại gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo, bản thân bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định. Do đó trong thảo luận nghị án Hội đồng xét xử thống nhất không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại đủ tài sản bị mất, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

[8] Về quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên: Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị cho bị cáo về hình phạt, trách nhiệm dân sự là phù hợp như Hội đồng xét xử đã phân tích trên.

[9] Xét quan điểm của người bào chữa cho bị cáo: Đề nghị áp dụng thêm tình tiết phạm tội nhưng chưa gây thiệt hại hoặc gây thiệt hại không lớn quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51, Điều 54 và Điều 36 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ là không có căn cứ chấp nhận được. Bởi lẽ, hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây tâm lý hoang mang cho người bị hại khi bị mất tài sản do hành vi chiếm đoạt trái ý muốn của bị hại, sau khi bị hại phát hiện bị mất tài sản và liên lạc với bị cáo thì bị cáo không thừa nhận lấy trộm tài sản của bị hại, mà chỉ thừa nhận sau khi bị hại đã báo công an về việc bị mất trộm. Do đó việc bị cáo trả lại số tiền lấy trộm cho bị hại là ngoài ý muốn của bị cáo, cụ thể là sau khi bị phát hiện. Do đó hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội gây tâm lý hoang mang cho người bị hại và bất an trong quần chúng nhân dân tại địa phương.

Về hình phạt bổ sung: Gia đình bị cáo thuộc diện hộ nghèo và bản thân bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[10] Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173 điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Mai Văn T** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Mai Văn T 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 26/6/2018).

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N T, huyện A, tỉnh Kiên Giang theo dõi, giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành án. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về biện pháp ngăn chặn: Áp dụng Điều 125 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015. Hủy bỏ Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 06/2018/HSST-LCCT ngày 14/6/2018 của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

3. Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại là vợ chồng chị Trần Thúy N và anh Võ Minh D đã nhận lại đủ tài sản bị mất, tại phiên tòa bị hại không yêu cầu gì thêm nên miễn xét.

4. Về án phí hình sự sơ thẩm:

Buộc bị cáo Mai Văn T nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng).

5. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Mai Văn T, bị hại Võ Minh D có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại Trần Thúy N vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt hợp lệ bản án.

*Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật*

*Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- Sở Tư pháp tỉnh Kiên Giang;
- Cơ quan THA dân sự có thẩm quyền;
- Cơ quan THA hình sự có thẩm quyền;
- Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Trại tạm giam bị cáo;
- Bị cáo, bị hại;
- Người tham gia tố tụng;
- UBND xã N T (án treo),
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng (Viet).

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký tên và đóng dấu)

**Trần Bình Đảo**